

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Tranh chấp: Đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ H V, sinh năm: 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ B N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đ N và bà Nguyễn Thị D (M) (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 00, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T N, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 00, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn K N, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 00, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nguyễn T K, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Võ H V trình bày: Ngày 25/02/2019 âm lịch, ông Nguyễn Đ N (thầy giáo N) dạy trường cấp II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà

Mau và vợ là Nguyễn Thị D (M) có nhờ vợ chồng bà hỏi dùm số tiền 100.000.000 đồng và hứa đến ngày 25/3/2019 âm lịch trả cho bà nhưng không trả. Bà có gặp thầy Nguyễn Đ N nhiều lần nhưng thầy hứa bán nhà sẽ trả tiền mượn hỏi, tiền hui hết, nhưng bán nhà xong đến nay trên 3 năm mà vợ chồng ông N, bà D không trả cho bà và không có đóng lãi. Với lý do trên, bà khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Đ N và vợ là Nguyễn Thị D trả số tiền hỏi dùm 100.000.000 đồng. Yêu cầu ông N, bà D phải đóng lãi cho bà, tính đóng lãi từ ngày 25/3/2019 âm lịch, tính lãi suất 02 phân (tức 100.000.000 đồng, một tháng đóng 200.000 đồng). Tính từ ngày 25/3/2019 âm lịch đến ngày 25/10/2022 là 43 tháng, tổng số tiền chịu lãi là 8.600.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D (M) và ông Nguyễn Đ N, qua làm việc chính quyền địa phương xác nhận bà D và ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm 00, thị trấn T. Bà D đã bỏ địa phương đi khoảng 03 đến 04 năm, đi đâu và làm gì không rõ; Ông Nguyễn Đ N đang sinh sống tại địa phương. Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông N để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông N từ chối nhận giấy, vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất; Yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất do rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nhờ hỏi dùm là 100.000.000 đồng nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ H V có cung cấp cho Tòa án tờ cam kết (không ghi ngày tháng năm) có nội dung như sau: “Tôi tên Nguyễn Đ N, vợ là Nguyễn Thị D (M) ở khóm 00, tt T. Có nhờ chế sáu Võ H V và anh Nguyễn Văn T hỏi dùm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Lãi suất 5%/tháng. Thời hạn là 01 tháng đến ngày 25/3/2019 trả lại cả vốn lẫn lãi. Vợ chồng em cam kết sẽ trả cho anh chế để trả cho người ta đúng thời gian trên. Nếu vợ chồng em thực hiện không đúng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Người cam kết vợ ký tên Nguyễn Thị D, chồng ký tên Nguyễn Đ N”. Bà V xác định chữ viết nội dung tại tờ cam kết

nêu trên là do bà D viết và ký ghi họ tên Nguyễn Thị D; Còn chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Đ N là do ông N ký và viết ra. Bà xác định từ khi vợ chồng bà cho vợ chồng ông N, bà D mượn số tiền 100.000.000 đồng thì đến nay không có trả vốn và lãi cho vợ chồng bà.

Đối với nguồn tiền cho vay, bà Võ H V cũng xác định, do chỗ quen biết và tình nghĩa nên vợ chồng bà có đứng ra hỏi mượn bà H (không rõ họ) là em cô cậu ruột của chồng bà số tiền 100.000.000 đồng để cho vợ chồng ông N, bà D mượn lại theo đúng như nội dung tờ cam kết nêu trên. Khi vợ chồng bà mượn tiền của bà H thì không có làm biên nhận vì chỗ bà con và chỉ có thời hạn mượn 01 tháng sẽ trả nên 02 bên thống nhất không làm biên nhận. Bà H và chồng bà H đã chết trong dịch Covid 19, còn các con của bà H hiện nay ở đâu và bao nhiêu người thì bà không biết. Số tiền 100.000.000 đồng mà vợ chồng bà hỏi mượn bà H thì bà đã trả xong cho bà H trước khi vợ chồng bà H chết, trả vốn và lãi là 105.000.000 đồng và khi trả cũng không làm giấy tờ. Nếu sau này các con bà H có khởi kiện thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với gia đình bà H cho lời trình bày của mình.

Đối với bà Nguyễn Thị D hiện nay đã bỏ địa phương đi, đi đâu và làm gì thì địa phương không biết. Ông Nguyễn Đ N là chồng của bà D hiện đang cư trú tại khóm 00, thị trấn T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa án để làm việc nhưng ông N từ chối nhận giấy, cho thấy ông N biết được việc bà V khởi kiện nhưng ông N từ chối cho lời khai, không hợp tác là coi như ông N từ bỏ quyền lợi của mình.

Do đó, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tờ cam kết nhận nợ có nội dung nêu trên, buộc ông N và bà D có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000 đồng lại cho bà V.

[3] Đối với yêu cầu về lãi suất, tại phiên tòa bà V rút khởi kiện về lãi suất, không yêu cầu bị đơn trả lãi, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, tự nguyện, phù hợp với quy định nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ về yêu cầu lãi suất.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà V không phải chịu án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định. Ông N, bà D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 217 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ H V. Buộc ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị D (M) có trách nhiệm trả cho bà Võ Hồng V số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành

án.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu lãi suất.

3/ Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Võ H V được miễn án phí theo quy định. Ông Nguyễn Đ N, bà Nguyễn Thị D (M) phải chịu án phí 5.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang